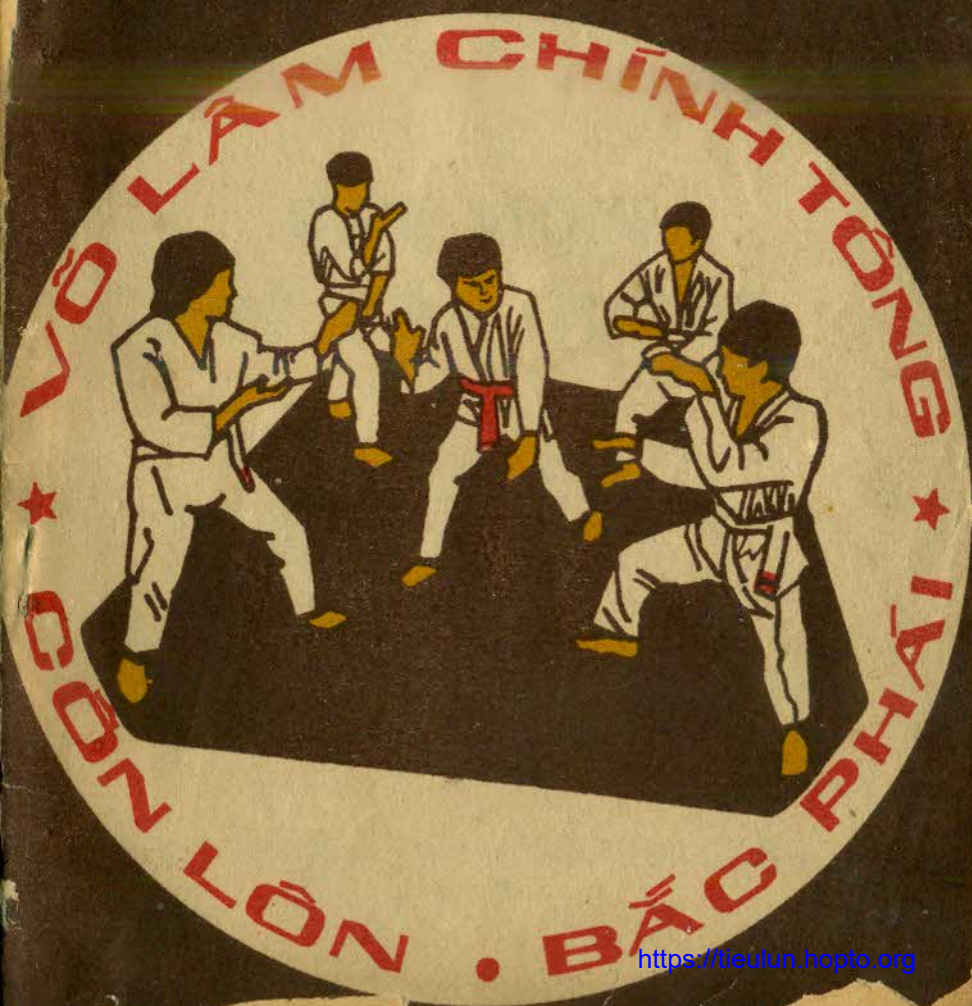


Doãn Tâm Ảnh

BÁT MÔN KIM TOẢ QUYỀN



THIÊN SƯ
ĐOÀN TÂM ẢNH

Nguyễn Văn Hoa

[Signature]

**BÁT MÔN
KIM TỎA QUYỀN**

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN ĐỒNG THÁP

— 1989 —

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay tài liệu học tập về môn võ cổ truyền rất ít, việc in ấn quyền «BÁT MÔN KIM TỎA QUYỀN» của tác giả Đoàn Tâm Ảnh là cần cho người luyện tập.

Theo tinh thần thông tư hướng dẫn của Tổng cục TDTT ngày 25 tháng 3 năm 1988: «Phát triển võ cổ truyền là phát triển một nội dung hình thức tập luyện của quần chúng, được quần chúng, nhất là giới thanh thiếu niên ham thích.

Tuy vậy, võ cổ truyền là phương pháp tự luyện mang tính đối kháng cao, có hiệu năng trong chiến đấu, do vậy việc tập luyện, phổ biến võ cổ truyền phải tiến hành chặt chẽ có tổ chức, chọn lọc và có trọng điểm nhằm góp phần nâng cao sức khỏe, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa và xây dựng bảo vệ tổ quốc».

«Bát môn kim tòa quyền» là kết tinh căn bản của võ lâm, chứa đựng toàn bộ bộ máy căn bản qua Tam pháp nhập môn, Các bài quyền — Các bộ thân công đề xuất qui nhập thân chiến đấu — Kỹ thuật sử dụng côn, Bài đả hồ lưỡng đầu côn — 16 đòn chiến đấu và 3 bài thuốc quý căn cho các võ sinh.

Các đòn thế, các bài quyền và côn được giới thiệu thống nhất như một tài liệu giáo khoa cho các võ đường võ lâm áp dụng.

Nghiên cứu tự luyện thuần thục các động tác trong tập sách này, bạn đã đạt trình độ thi lên sơ đẳng toàn phần của võ lâm, đủ sức tham khảo tự luyện chương trình lên trung đẳng do tác giả Đoàn Tâm Ảnh lần lượt giới thiệu tất cả sở học của mình trong những cuốn kế tiếp.

Chúc các bạn đạt được những thành tựu bất ngờ vượt xa ý muốn.

BIÊN TẬP

BÍ KÍP VÕ LÂM

LỜI NÓI ĐẦU

Trang

3

A — BỘ MÁY CĂN BẢN

9

I. Di chuyển bộ pháp

10

1 Thượng bộ bát tự

10

2 Trung bộ đình tự

10

3 Bình bộ văn tự

11

4 Hạ bộ tọa địa

11

II. Cầm nã thủ pháp

12

1 Nã thủ án thiên

12

2 Gạt thủ bảo diện

12

3 Tạt thủ hộ tâm

13

4 Diêm thủ phù ti

13

5 Phóng thảo chỉ

14

6 Xung thảo

14

7 Phạt thủ đao

15

8 Phóng thủ châu

15

9 Thọc thủ châu

16

10 Cầm thủ châu

16

11 Hoành thủ châu

17

12 Xung thủ châu

17

III. Liên hoàn cước pháp	18
1 Tiêu tiền cước	18
2 Tiêu hậu cước	18
3 Tiêu phi cước	19
4 Long tổng cước	19
5 Long hoành cước	20
6 Long phi cước	20
7 Long đảo cước	21
8 Móc hải cước	22
9 Giăng hải cước	22
10 Phi giăng hải	23
11 Hải vũ cước	23
12 Tất đẳng cước	24

B — CÁC BỘ THẦN CÔNG

I. Thất thập nhị huyết công	25
II. Tứ tuyệt định công	29
III. Lục bộ thần công	31
IV. Di ảnh kỳ công	32
V. Thập bát chương công	32

C — CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN

I. Phương pháp huấn luyện	33
II. Phương pháp tổ chức cuộc thi	36
III. Đẳng cấp	38
IV. Màu đai — Võ phục	40

D — BÀI QUYỀN

Đ — KỸ THUẬT SỬ DỤNG CÔN

I. Đòn công

1 Đánh	55
2 Bò	55
3 Đập	56
4 Đâm	56
5 Thọc	57
6 Phang	57
7 Quất	58
8 Loang thiên	58

II. Đòn thủ

1 Đỡ	59
2 Gạt	60
3 Hoành	60
4 Bắc	61
5 Khắc	61
6 Tạt	61
7 Tém	62
8 Loang địa	62

E — BÀI ĐẢ HỒ LƯƠNG ĐẦU CÔN

G — 16 ĐÓN CHIẾN ĐẤU

H — TOA THUỐC BÍ TRUYỀN



NHÓM THỰC HIỆN:

ĐOÀN TÂM ẢNH: Người mặc đồ đen XII đẳng
LÊ VĂN LÝ : Phần liên hoàn cước pháp V đẳng
QUANG DIỆU SĨ : Bài 2 võ đấu với Lý — IV đẳng

Mọi thắc mắc xin liên hệ :
NGUYỄN DƯƠNG LINH VŨ
 Công ty phát hành sách Đồng Tháp.

A — BỘ MÁY CĂN BẢN

Quyền là môn võ tay, nên sự nghiên cứu động lực của tay chân, sắp xếp cách thức đánh — đá — đỡ — gạt, sử dụng vũ khí tự nhiên của cơ thể bằng đầu gối, cùi chỏ, bàn, ngón, nắm, xòe, đâm, xia. Với đủ cách bay, nhảy, thuận, nghịch, ngược, xuôi lập thành bộ máy căn bản qua Tam pháp biến hóa vô song.

Người ta nói:

Văn không tận — Võ không cùng

Văn có 24 chữ cái từ A đến Y, ráp lại thành chữ, đặt lại thành câu. Nhà văn, người viết sách đúc kết kiến thức mà viết ra không biết bao nhiêu là sách cũng không ngoài 24 chữ cái đó.

Võ học cũng vậy, 24 đòn căn bản kết hợp, một đòn chánh biến ra đòn phụ, rồi kết vô 30 bài, mà trong một bài không có trùng đòn công.

I. DI CHUYỂN BỘ PHÁP :

1) THƯỢNG BỘ BÁT TỰ:

Đứng thẳng, hai chân rộng bằng vai, hai mũi bàn chân hướng ra ngoài. (H 1)



2) TRUNG BỘ ĐÌNH TỰ:

Đứng hai chân khít nhau, bước tới khoảng cách bằng vai, chân sau xoay ngang. (H 2)



3) BÌNH BỘ VĂN TỰ:

Bước tới, chân xoay ngang, hai chân hình chữ X, vai hướng về trước, chân sau nhón gót, hai chân rùn thấp giữa trung và hạ bộ (H3)

4) HẠ BỘ TỌA ĐỊA : Đứng thượng bộ, ngồi xuống (H4)

II .CẦM NẢ THỦ PHÁP :

1) NẢ THỦ ÁN THIÊN :

Hai tay tréo hình chữ X, đỡ từ dưới lên khỏi đầu, hai lòng bàn tay hướng về trước, tay nắm hờ (H5)



2) GẠT THỦ BẢO DIỆN :

Tay trước gạt qua mặt từ dưới lên, lòng bàn tay úp vào người, cánh tay đứng thẳng, tay sau để ngang trán, lòng bàn tay ngửa, chỗ lên cao. (H 6)



4) DIỀM THỦ PHÙ TÌ :

Hai tay tréo hình chữ X, lòng bàn tay úp, tay trước phía trong gạt xuống đến gối, lòng bàn tay úp, tay sau rút về hông, lòng bàn tay ngửa (H 8)



3) TẬT THỦ HỘ TÂM :

Tay trước từ ngoài gạt mạnh vào trong, lòng bàn tay úp vào người, cánh tay đứng thẳng, tay sau ngửa lên đặt dưới chỗ tay trước (H7)

5) PHÓNG TRẢO CHỈ :

Đấm thẳng, lòng bàn tay úp, nơi chạm mục tiêu là gu đốt thứ 2 của 4 ngón năm hờ (H9)



6) XUNG TRẢO :

Đấm mức từ dưới lên, tay còn lại che hạ bộ, lòng bàn tay úp vào người (H10)

7) PHẠT THỦ ĐẠO :

Cạnh — sống bàn tay chém ngang qua ; lại ; thuận ; nghịch. (H11)



8) PHÓNG THỦ CHÀU :

Nắm tay từ dưới đưa lên trên vai, ngang tai, chỗ đã vươn ra, nghiêng người để chỗ phóng tới trước, tay kia xòe úp che dưới nách (H12)

9) THỌC THỦ CHÀU :

Tay phải từ hông trái, giựt chỗ ngang tới trước, nắm tay úp, tay trái che phía dưới (H13)



10) CẬM THỦ CHÀU :

Đưa tay lên cao đánh cậm chỗ xuống thẳng phía trước, ngang ngực, nắm tay kia úp dưới chỗ vừa đánh (H14)



11) HOÀNG THỦ CHÀU :

Chân bước chéo hình chữ X, xoay lưng giựt chỗ ngang tới trước, tay còn lại dựng chưởng che dưới nách (H15)



12) XUNG THỦ CHÀU :

Xoay lưng đánh chỗ từ dưới lên mục tiêu Hạ bộ - Chấn thủy, tay còn lại che dưới nách (H16)

III. LIÊN HOÀN CƯỚC PHÁP:

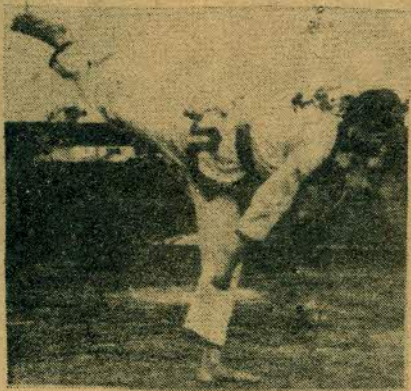
1) TIÊU TIỀN CƯỚC:

Đỡ cao đầu gối, mũi bàn chân phóng thẳng ra trước (H17)



2) TIÊU HẬU CƯỚC:

Quay đầu, xoay người, khòm lưng, chột mũi bàn chân về phía sau (H18)



3) TIÊU PHI CƯỚC: Hạ bộ tọa địa nhún vọt lên, chân co, chân phóng mũi bàn chân tới trước (H 19)

4) LONG TỔNG CƯỚC:

Nghiêng người, đỡ cao đầu gối, tổng cạnh bàn chân ra trước (H 20)

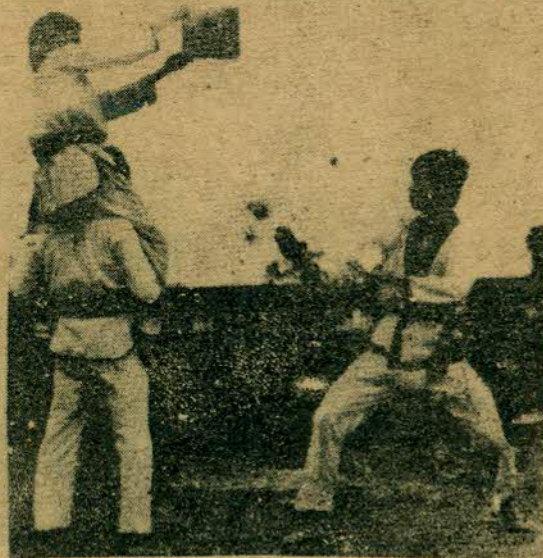


5) LONG HOÀNH CƯỚC: Đỉnh tự, xoay người, chân sau đá nghịch một vòng lên bằng cạnh bàn chân 360° về vị trí cũ (H 21)



6) LONG PHI CƯỚC:

Đỉnh tự tấn, vọt người lên, cạnh chân sau đá nghịch 1 vòng 360° về vị trí ban đầu. (như Long hoành cước trên không) (H22. H23)



7) LONG ĐÀO CƯỚC:

Chân sau từ dưới lên, vòng từ ngoài vào đỡ bằng lòng bàn chân rồi nghiêng người tổng thẳng, cạnh bàn chân ra (H24)



8) MÓC HÀI CƯỚC :

Xoay người, chân sau móc gót 1 vòng 360°, về vị trí cũ (H25)



9) GIÁNG HÀI CƯỚC :

Chân sau hất lên, dùng gót nện từ trên xuống, trong ra (H26).

10) PHI GIÁNG HÀI :

Xoay người, chân sau đỡ lên vòng nghịch về trước, chân trước phi lên giáng từ trên xuống bằng gót (H27).



11) HÀI VŨ CƯỚC :

Hai tay chống xuống đất, lộn ngang về trước, hai gót chân nện từ trên xuống (H28).

12) TẤT ĐĂNG CƯỚC :

Đầu gối lên, hoặc vòng
tới trước (H29)



Câu : « QUYỀN NAM CƯỚC BẮC » chỉ Võ lâm còn
luân Bắc phái đòn chân nhiều hơn đòn tay. Liên hoàn
cước pháp là chân đá, đạp như phóng mũi bàn chân mà có
rất nhiều cách : đứng đá; đi đá; nhảy đá; nhào đá; bay đá;
bò đá; ngồi đá; nằm đá; lăn đá. Mũi bàn chân đã vậy, gót
chân, cạnh bàn chân cũng vậy.

B – CÁC BỘ THẦN CÔNG

I. THẤT THẬP NHỊ HUYỆT CÔNG :

Các đòn căn bản trong Tam pháp được kết trong bài
vô lâm căn bản để tập bài võ, các đòn phụ khi dạy chiến
đấu tùy theo từng trường hợp sẽ thiên biến vạn hóa.

Kết hợp đòn chính, đòn phụ phân ra hai loại : đòn
và thế. Thế là một eam bảy gây cho đối phương lâm vào
thế kẹt mà ta định sẵn rồi tung ra đòn.

Thế là tĩnh : THỦ — Đòn là động : CÔNG.

Đòn trong thế tung ra như súng với đạn, trong đó có
đòn sanh, đòn tử.

Đòn, thế phân ra rồi kết hợp vô thành 30 bài võ, kết
vô ít thì bài võ ngắn, kết vô nhiều thì bài dài. Mỗi bài đều
có đủ cách : Công, thủ, phản, biến, cương, nhu, khí lực tay
chân di động là thế thần máy móc.

Tập bài võ là tập chiến đấu đó.

Khi dạy bài võ qua các đợt đấu : bài 1 người đấu
với 1 người, bài 1 người đấu với 2 người, bài 1 người
đấu với 4 người.

Đấu bài, đấu thế, đấu tự do, đấu loạn chiến, đấu
xong rồi phân thế chiến đấu trong bài cho biết cách sử
dụng. Rồi còn học 72 cách đánh vào 12 huyết gọi là
THẤT THẬP NHỊ HUYỆT CÔNG. Đó là những cách
đánh sau :

- 1 — Gạt thủ thu châu
- 2 — Gạt thủ phạt cảnh
- 3 — Gạt thủ bá m cần
- 4 — Gạt thủ sát hầu
- 5 — Gạt thủ tổng thủy
- 6 — Gạt thủ băng tâm
- 7 — Gạt thủ xạ điền
- 8 — Gạt thủ sát diện
- 9 — Tạt thủ tán dương
- 10 — Tạt thủ hoành pheng
- 11 — Gạt thủ khai âm
- 12 — Di ảnh tán tâm
- 13 — Di ảnh xạ điền
- 14 — Di ảnh băng tâm
- 15 — Di ảnh tổng thủy

- 16 — Di ảnh sát hầu
- 17 — Di ảnh bá m cần
- 18 — Di ảnh thu châu
- 19 — Di ảnh sát túc
- 20 — Di ảnh song âm
- 21 — Di ảnh phóng tiêu
- 22 — Long tổng thế
- 23 — Long đảo cước
- 24 — Tiêu phi cước
- 25 — Giáng hải cước
- 26 — Câu hải cước
- 27 — Lộn hải cước
- 28 — Di hữu phang âm
- 29 — Di hữu kim tiêu
- 30 — Di hữu giáng hải
- 31 — Di hữu long phi
- 32 — Di hữu câu hải
- 33 — Di hữu long hoành
- 34 — Di hữu nghịch giáng hải
- 35 — Nã thủ thủy tâm
- 36 — Nã thủ băng tâm
- 37 — Nã thủ phạt cảnh
- 38 — Nã thủ bá m cần

- 39 — Nả thủ sát hầu
- 40 — Nả thủ xạ điện
- 41 — Nả thủ thu châu
- 42 — Nả thủ lia hầu
- 43 — Nả thủ bẻ đào
- 44 — Nả thủ khắc hải
- 45 — Nả thủ tam khạ
- 46 — Di ảnh phế môn
- 47 — Di ảnh khai điện
- 48 — Di ảnh sát phế
- 49 — Hồ hồi sơn đỉnh
- 50 — Đái mã qui tào
- 51 — Di tả đảo long
- 52 — Di tả phóng tiêu
- 53 — Di nghịch tổng long
- 54 — Di tả tiêu phi
- 55 — Di tả giáng hải
- 56 — Di tả câu hải
- 57 — Di tả long hoành
- 58 — Di tả long phi
- 59 — Di tả nghịch hải
- 60 — Di hữu phang âm
- 61 — Di hữu phóng tiêu

- 62 — Di hữu giáng hải
- 63 — Di hữu câu hải
- 64 — Di nghịch khai âm
- 65 — Di hữu khai điện
- 66 — Thiềm thờ qua khe
- 67 — Tảo địa liên hoàn
- 68 — Kim ngao sát túc
- 69 — Sát túc tổng âm
- 70 — Ngọa địa cước âm
- 71 — Ngọa địa quyền âm
- 72 — Sát túc khai âm

Thất thập nhị huyết công được lần lượt truyền cho môn sinh lên sơ đẳng 16 đòn, lên trung đẳng thêm 24 đòn và lên thượng đẳng 32 đòn.

N — TỨ TUYỆT ĐỊNH CÔNG :

Muốn sử dụng 72 cách đánh vào 12 huyết đối phương được tốt ta phải áp dụng **TỨ TUYỆT ĐỊNH CÔNG, LỤC BỘ THẦN CÔNG**.

Không phải tự nhiên hay tới, đánh càng, đá đại mà được đâu. Đối phương sẽ đứng yên cho ta đánh sao.

Đòn sanh, đòn tử cũng phải có đòn tá sư mới đánh vô chỗ muốn được. Bởi vì, có 4 cách đối phương tấn công ta ở ạt như vũ bão :

1. Liên hoàn cước pháp : chân đá, tay theo liền bên tả hoặc hữu.

2. Liên hoàn thủ pháp : Tay đánh, chân đá liền theo thuận hoặc nghịch.

3. Cuồng phong táo lặc diệp : Chân quét qua, tay đánh lại, ào ào như gió.

4. Động quyền di ảnh : Nhảy lảo đảo, khủng bố tinh thần đối phương rồi đánh bất ngờ.

Nếu đề đối phương quá tự do như vậy thì biết họ tấn công tay, chân nào mà định trước, phản, trả. Phải dùng Tứ tuyệt định công mà trừ 4 cách đó.

— Bắt buộc họ phải đánh tay mặt hoặc tay trái.

— Bắt buộc họ đá chân phải hoặc chân trái, thuận nghịch tùy ý mình cho.

Muốn bắt buộc đối phương tấn công theo ý mình ; muốn sử dụng tốt Tứ tuyệt định công ta phải dùng Lục bộ thần công.

III — LỤC BỘ THẦN CÔNG

Gồm 6 bộ thần công :

1. Đối diện giao chiến

2. Đối diện cận chiến nội

3. Đối diện cận chiến ngoại

4. Âm dương giao chiến

5. Âm dương cận chiến nội

6. Âm dương cận chiến ngoại

— Đối diện là khi vô cả hai nhìn về một phía.

— Giao chiến là hai đối thủ đã chuẩn bị tấn công nhau nhưng chưa vô sát.

— Cận chiến là vô sát gối nhau

— Nội là chân họ vô mé trong chân ta

— Ngoại là chân họ vô mé ngoài chân ta

— Âm dương là khi vô mỗi người ngó một bên.

Vậy lục bộ thần công ta phải học cho thuần thục, khi đối phương tấn công bộ nào, ta hạ ngay bộ đó theo sự luyện tập nhuần nhuyễn thuần thục từ trước.

IV — DI ẢNH KỲ CÔNG

Khi đối phương đánh, ta cùng đánh, đối phương đá ta cùng đá chứ không đỡ. Đòn đánh của ta sau nhưng đến mục tiêu trước. Vì sử dụng di ảnh nên hình ta không còn ở đó nữa và đòn đánh của đối phương sẽ vào hư không.

Vừa di ảnh hình dáng ta cũng biến dạng theo động tác kỳ hình để hạ đối phương.

V — THẬP BÁT CHƯỞNG CÔNG

Chưởng là dùng để chỉ đòn đánh ra bằng đầu cườm tay hay còn gọi là ức bàn tay hoặc lòng bàn tay. Có 18 cách đánh chưởng gọi là thập bát chưởng công.

Thập bát chưởng được lần lượt giới thiệu trong các bài võ, cái hay, cái thâm thúy của môn sinh võ lâm Bắc phái là sự tinh luyện các bài đấu và nắm bắt được để sử dụng các bộ thần công trong Quyền bí kíp của Suyền giáo — Cung Ngọc hư truyền lại.

C — CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN

Chương trình huấn luyện võ lâm của Ngọc hư cung được truyền lại theo một trình tự nhất định từ ít đến nhiều, từ dễ đến khó, từ thấp lên cao, thì cử hân hoi. Võ nào cũng vậy, chỉ có phương pháp huấn luyện là khác nhau.

I — PHƯƠNG PHÁP HUẤN LUYỆN

Có môn võ lấy đường thảo tập để rèn luyện thể lực rồi thôi, sau đó dạy thể chiến đấu. Khi ngộ trận lấy những thể đó ra tùy ý sử dụng chớ không có bộ thần công nào làm tá sứ.

Còn môn võ thì lấy đòn căn bản rèn luyện thể lực rồi mới tập bài quyền. Xong bài quyền cũng dạy thể chiến đấu, cũng không có bộ thần công nào làm tá sứ.

Hai thứ võ đó đánh, đá không khí chứ không có điểm tựa làm mục tiêu điều chỉnh đòn thế.

Còn võ lâm cũng lấy bài võ rèn thể lực, nhưng bằng cách song đấu người với người, đánh trả nhau thực sự, có mục tiêu điều chỉnh đòn thế đúng chỗ, khi xong thì cũng phân thể từng bài võ đã dạy. Phân tích từng động tác, đòn nào đánh vào chỗ nào, tại sao đánh vào chỗ đó, đòn nào có thần công nấy làm tá sứ.

Huấn luyện viên của môn phái phải thấu triệt phương pháp dạy.

★ Cho võ sinh đứng thành hàng A, B đối diện nhau.

Dạy cho A bài số lẻ (1)

Dạy cho B bài số chẵn (2)

Dạy mỗi bên hai động tác 1-2, cho đấu nhau, coi khi nào có thể lực và tay chân đánh đúng, dạy thêm 1-2 nữa.

Mỗi ngày dạy 1 thế, phải coi được thì 10 ngày hết bài võ mà họ không biết.

Cứ mỗi ngày 1 thế, họ ham học cái mới hoài, còn nếu dạy hết bài võ rồi mà bắt họ luyện 8, 9 ngày cho có thể lực, thì họ chán, nói thuộc rồi mà không dạy cái mới, câu giờ, chớ họ có biết thể lực đến mức nào mới được.

★ Có 30 võ sinh, ba người dạy chung 1 lớp, người này đến sửa bộ nói cách này, người kia đến sửa nói cách khác. Họ bực mình, trong đó có những người sáng trí, tiến bộ mà chờ kẻ chậm tiến, cứ 1 — 2 hoài họ nghỉ ở nhà, lâu lâu đến coi cũng vậy, mấy tháng trời mà cũng 1 — 2, 1 — 2 họ nghỉ luôn. Nếu có võ sinh xin vô thêm thì bảo đợi mãn khóa, như vậy có ra mà không có vô. Càng ngày càng hết.

★ Phương pháp tốt nhất nuôi võ sinh là :

Có 30 võ sinh, 3 người dạy, thì chia ra 3 toán 1, 2, 3. Ai xin vô cứ đầu, hẹn 3 ngày đến. 3 ngày 3 toán tuyển coi ai tiến mức thì dồn cho một toán, số còn lại vô một toán, dư một người dạy cho những võ sinh mới vô — cho là toán 1.

Từ đó, mỗi ngày ai vô cứ đầu cho toán 1 dạy, cứ hết toán 1 coi ai tiến đưa lên toán 2, toán 2 coi ai tiến đưa lên toán 3. Như vậy họ không chán và sợ thua anh em nên không nghỉ tập.

II. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CUỘC THI:

Các cuộc thi lên cấp, đẳng của Võ lâm không phải như kiểu thi tài mộ binh tuyển tướng ngày xưa, mà cuộc thi có đậu, có rớt như ta học chữ ở trường vậy, môn nào có học thì có thi.

Văn thì học môn nào, mấy bài, khi thi cho đủ môn, làm đúng là đậu, làm thiếu hoặc không đúng sẽ có nguy cơ học lại.

Võ cũng vậy, học mấy bài, được bao nhiêu đòn, thế, đòn tay, đòn chân, khi thi đấu tự do phải cho đúng và đủ là đậu.

Không phải đánh cho dẫy, chẳng nổi là đậu, cũng không phải đánh trúng được nhiều đòn mà đậu, thi theo kiểu đó là cách mộ binh, tuyển tướng chứ không phải lối thi của võ đường đề lên cấp.

Trong cuộc thi phải có 4 ban: Hướng dẫn, Thẩm vấn, Trọng tài, Giám định, mỗi ban từ 2 người trở lên.

1) BAN HƯỚNG DẪN:

Làm thủ tục vào thi, ghi tên họ, đăng cấp;

chọn đối thủ tương xứng, cho số thứ tự rồi hướng dẫn đến Ban Thẩm vấn.

2) BAN THẨM VẤN:

Hỏi về ý nghĩa học võ, đạo hạnh của người học võ, lý thuyết võ học, rồi hướng dẫn đến Ban Trọng tài:

3) BAN TRỌNG TÀI:

— Cho độc diễn

— Cho đấu bài

— Cho đấu thế

— Cho đấu tự do

4) BAN GIÁM ĐỊNH:

Kiểm soát kỹ thuật: Thân pháp, Thâm mỹ, Đòn thế, đúng — sai — đủ — thiếu.

Bốn Ban phối hợp cho điểm đậu, đồng thời ký tên vào biên bản cuộc thi.

III — ĐẲNG CẤP

Võ lâm có 4 đẳng: Sơ đẳng, Trung đẳng, Thượng đẳng, Siêu đẳng.

Mỗi đẳng có 3 cấp: Cấp 1, Cấp 2, Cấp 3.

Võ sinh mới vào học mang không đẳng.

— Học 2 bài võ đấu 1 người với 1 người thi cấp 1.

— Học 2 bài võ thể thi lên cấp 2

— Học 1 bài côn và thể đấu côn thi lên cấp 3

— Học 16 đòn chiến đấu thi lên toàn phần sơ đẳng.
Thời gian thi lên mỗi cấp là 30 giờ.

SƠ ĐẲNG LÊN TRUNG ĐẲNG

— O cấp: học 2 bài võ đấu, 1 người đấu 2 người, thi lên cấp 1, thời gian 40 giờ.

— Cấp 1: học 4 bài võ thể thời gian 40 giờ thi lên cấp 2.

— Cấp 2: học 24 đòn chiến đấu, thời gian 40 giờ, thi lên cấp 3.

— Cấp 3: học 2 bài binh khí, thời gian 40 giờ, thi lên toàn phần trung đẳng.

TRUNG ĐẲNG LÊN THƯỢNG ĐẲNG

— O cấp: học 4 bài võ đấu, 1 người đấu 4 người, thời gian 120 giờ thi lên cấp 1.

— Cấp 1: học 6 bài võ thể, thời gian 120 giờ, thi lên cấp 2.

— Cấp 2: học 32 đòn chiến đấu, thời gian 120 giờ, thi lên cấp 3.

— Cấp 3: học 4 bài binh khí, thời gian 120 giờ, thi lên toàn phần thượng đẳng.

THƯỢNG ĐẲNG LÊN SIÊU ĐẲNG

— O Cấp: học nghiên cứu sáng tác quyền, binh khí và ý tứ chiến đấu.

— Cấp 1: học phòng gian ngửa tặc, mọi mặt chìm, nổi và các trận: Long môn, Lưỡng nghi, Trường xà, Bát môn, Tam tài.

— Cấp 2: học chiến lược, chiến thuật ít người đấu đông người, đấu chỗ hẹp, đấu chỗ rộng.

— Cấp 3: học nội ngoại thần công

Mỗi cấp của Thượng đẳng không có thi do Ban giám khảo chấm như Sơ và Trung đẳng mà mời quần hùng công nhận. Khi quần hùng công nhận tất cả các môn thì đã là Siêu đẳng rồi.

IV — MÀU ĐAI - VÕ PHỤC

★ Màu đai: Võ lâm — Côn luân Bắc phái căn cứ vào màu sắc biến đổi của vũ trụ trong ngày đề trang bị cho màu đai của môn phái mình, theo thứ tự từ đêm đến ngày và cuối cùng là ánh chiều tà báo hiệu hoàng hôn sắp đến, hết ngày nghỉ việc.

*Đêm tối ĐEN nhìn chẳng thấy ai
Mờ sáng TRẮNG trong đã báo ngày
Văng dương HỒNG rạng ngàn tia ấm,
Trời cao XANH suốt rộng bao la*

*Nhân loại trần gian đều được hưởng
Muôn ngàn tia ấm của vầng dương
Hít bầu dưỡng khí xanh vô tận
Thâu tóm, tinh hoa ánh chiều tà.*

Ấm chỉ: mới học võ tối tâm nên đai

ĐEN — Khi biết được chút ít là mờ sáng đai
TRẮNG — Biết nhiều hơn như mặt trời ló dạng đai
HỒNG — Đến cao độ thấy trời xanh bao la đai
XANH — Khi thấm nhuần nghệ thuật có thể đạt đến nghệ

trời chiều hoàng hôn mang đai VÀNG.

ĐEN — TRẮNG — HỒNG — XANH — VÀNG.

★ Võ phục: Áo vàng chỉ màu da, quần đen chỉ đầu đội trời chân đạp đất.

Ngạch quan đồ với ý nghĩa Võ lâm đặt tổ quốc trên hết, nước Việt Nam ta cờ đỏ nên ngạch cũng đỏ.

Nhận thấy cấp bậc của quan, tướng mang trên cẩu vai, còn đẳng cấp võ thì dưới háng, dưới tròn. Các cô, cậu muốn biết cấp, đẳng nào đều phải đưa cặp mắt đắm đắm nhìn ngay kẻ háng, hồ then đôi bên, nên phải liếc mắt nhìn chứ không nhìn thẳng. Nhưng cái liếc liếc đó còn khó chịu hơn nhìn ngay.

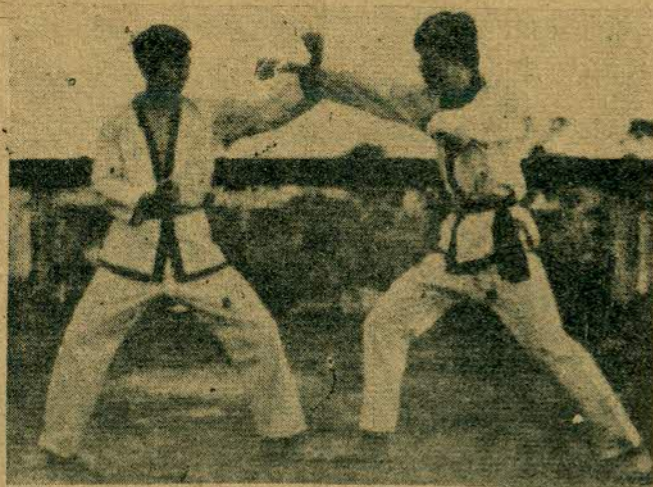
Thế nên, tôi quyền Chưởng môn môn phái này, quyết định dời lên cao một chút, là ngang eo lưng, đai mềm tiện việc.

BÀI QUYỀN

Võ sinh học 2 bài võ đấu thi lên cấp 1, thời gian 30 giờ.

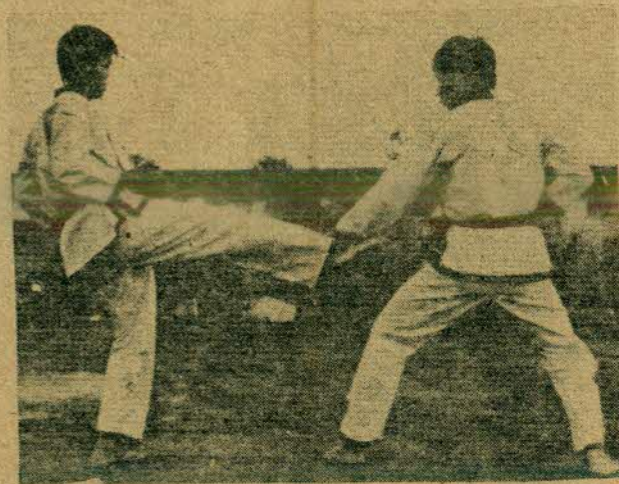
BÀI 2

1) GẠT THỦ: Chân phải lui, tay trái gạt (H1)



BÀI 1

1) PHÓNG TRẢO: Chân phải lên, tay phải phóng (H1)

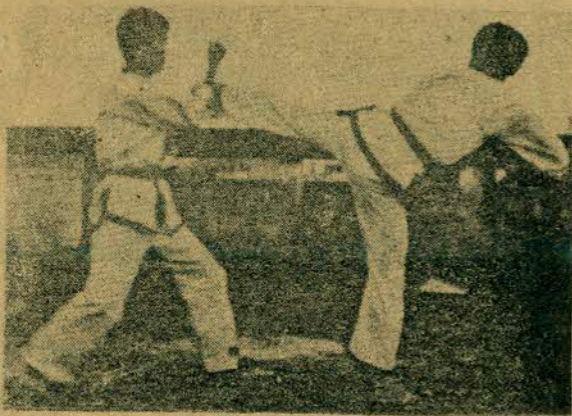


2) TIÊU TIỀN CƯỚC; Chân phải phóng tới (H2)

2) DIỀM THỦ: Chân phải lui, tay trái diềm (H2).

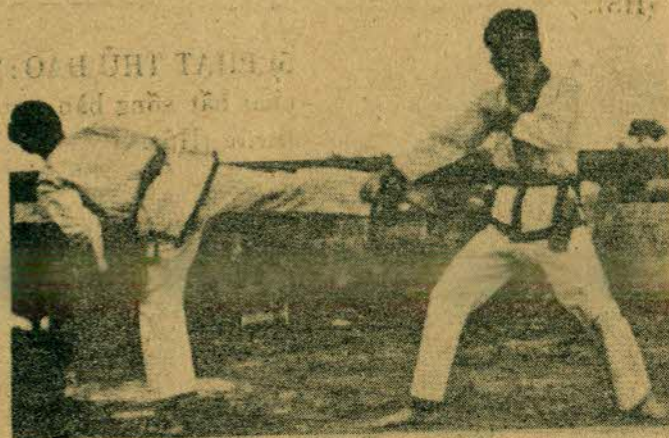
3) TẬT THỦ : Chân phải
lùi, tay phải tật (H3)

3) LONG TỔNG CƯỚC :
Chân phải lên, chân trái
tổng (H3)



2) ĐIỂM THỦ : Chân phải
lùi, tay trái điểm (H2)

2) TIỀN TỔNG CƯỚC :
Chân phải bước lên, chân trái
tổng (H2)



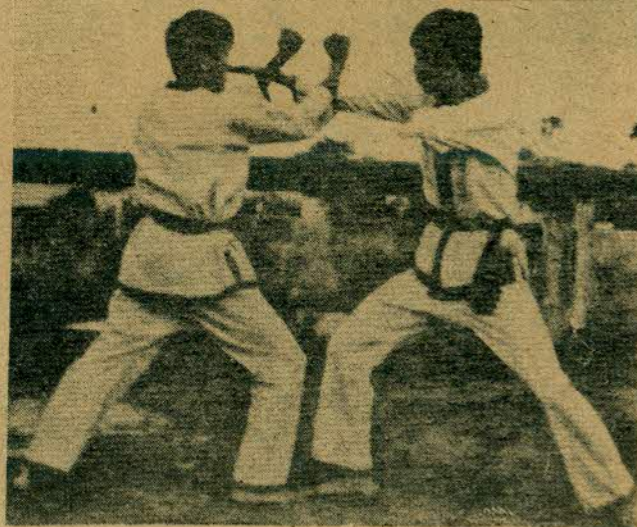
4) TIÊU HẬU CƯỚC :
Quay đầu, xoay người,
khòm lưng, chột mũi chân
phải. (H4)

4) ĐIỂM THỦ PHỦ TÌ :
Chân trái lùi, tay phải
điểm. (H4)



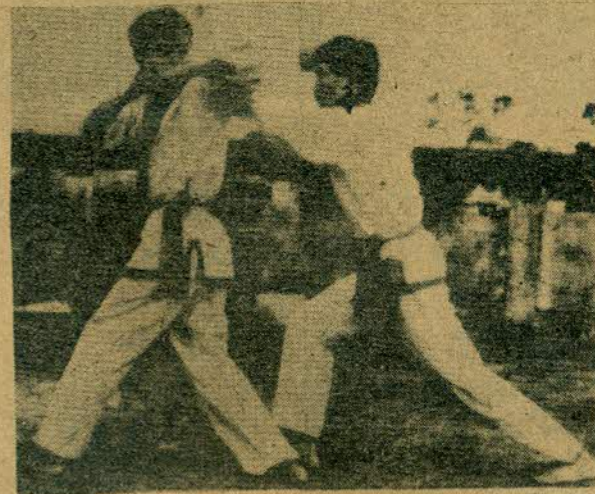
5) TẠT THỦ HỘ TÂM :
Chân phải trước, tay phải
tạt (H5).

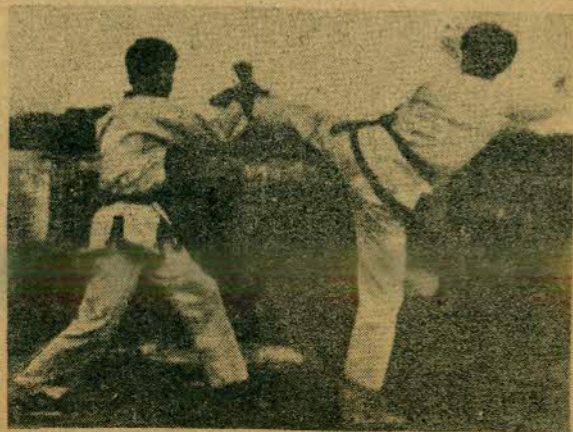
5) PHẠT THỦ ĐẠO : Tay
phải hất sống bàn tay lên
trước (H5).



6) HOÀNH THỦ CHÀU :
Xoay lưng giết chỗ trái
(H6).

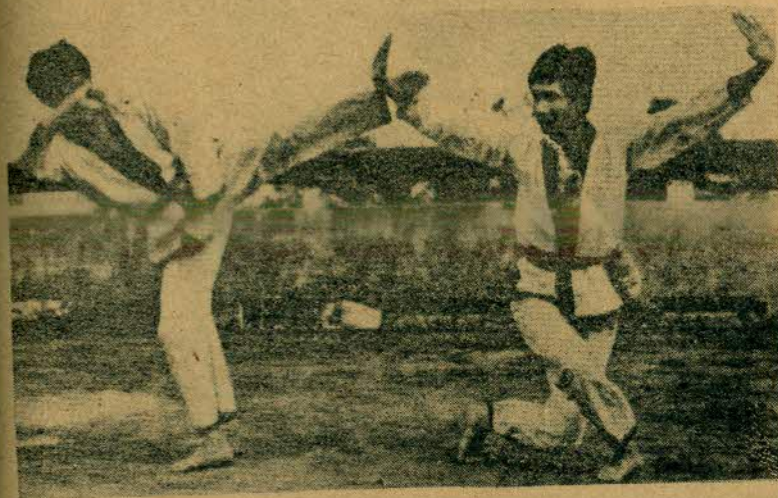
6) GẠT THỦ BẢO DIỆN :
Tay trái gạt (H6).





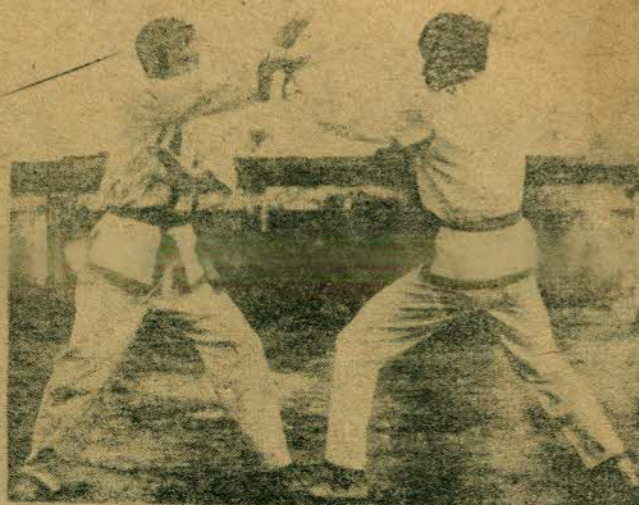
7) TẬT THỦ HỘ TÂM :
Xoay lại, chân phải lui
tay phải tạt.

7) LONG TỔNG CƯỚC :
Chân trái đá rồi lui (H7).



8) LONG TỔNG CƯỚC :
Chân phải lên, chân trái
đá (H8).

8) VẤN TỰ — HẠ BỘ :
Chân phải tréo trên chân
trái, ngồi xuống (H8).

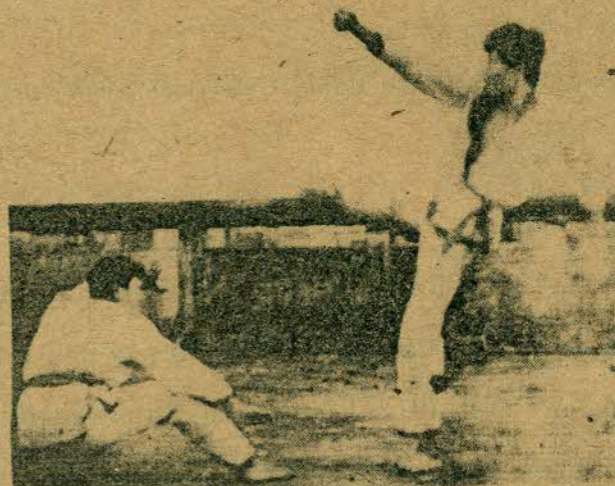


9) PHẠT THỦ ĐẠO : Chân trái trước, tay phải chém sống bàn tay tót trước. (H9)

9) GẠT THỦ BẢO DIỆN : Xoay qua, chân trái trước tay trái gạt (H9).

10) HẠ BỘ TỌA ĐỊA : 10) LONG HOÀNH CƯỖC : Chân trái lui về, ngồi. (H10)

Xoay lưng, cạnh chân phải sau đá nghịch 1 vòng 360° về vị trí cũ. (H10)



Võ sinh học 2 bài võ thể, thời gian 30 giờ, thi lên cấp 2.

BÀI 3

- 1) DIỄM THỦ PHÙ TÌ : Chân trái lui, tay phải diềm.
- 2) LONG HOÀNH CƯỚC : Xoay lưng, chân trái đá nghịch 1 vòng 360° về chỗ cũ.
- 3) TIẾN NGHỊCH KHA FÂM : Quay đầu, khòim lưng, chân trái thọt sau chân phải, tay phải hất ngược tới.
- 4) MÓC HẢI CƯỚC : Chân phải móc gót vòng ngang 360° về chỗ cũ.
- 5) TẠT THỦ HỘ TÂM : Chân trái trước, tay trái tạt qua phải.
- 6) PHẠT THỦ ĐAO : Tay phải úp, sống bàn tay từ phải qua trái.
- 7) GẠT THỦ BẢO DIỆN : Tay phải gạt qua phải.
- 8) CẬM THỦ CHÂU : Chỗ trái cậm từ trên xuống.
- 9) VẤN BÌNH BỘ : Chân trái tréo về trước chân phải.
- 10) THỦ ĐAO TRẮM MỘC : Nhảy xoay lại theo chiều kim đồng hồ, tay trái chém từ trên xuống.
- 11) PHÓNG TRẢO CHỈ : Chân phải trước, phóng trào phải.

BÀI 4

- 1) HẢI GIÁNG CƯỚC : chân trái sau, xoay lưng, gót chân trái quay nghịch từ cao giáng gót xuống.
- 2) HỒ GIÁNG LONG THĂNG : gối phải lên, cùng lúc chỗ trái xuống.
- 3) TẠT THỦ HỘ TÂM : chân phải trước, tay phải tạt.
- 4) HOÀNH THỦ CHÂU : xoay lưng, chỗ trái gạt ngược.
- 5) HẠ BỘ TỌA ĐỊA : xoay lại, chân phải lui về ngồi xuống, nhìn ngang qua trái.
- 6) TIÊU PHI CƯỚC : vọt lên cao, chân phải phóng ra, chân trái co.
- 7) GẠT THỦ BẢO DIỆN : chân trái lên, tay phải gạt qua phải.
- 8) PHÓNG TRẢO CHỈ : tay trái phóng tới, 2 ngón trỏ/giữa ra trước.
- 9) LONG HOÀNH CƯỚC : xoay lưng, chân phải đá nghịch 1 vòng 360° , bằng cạnh bàn chân.
- 10) CẦU HẢI CƯỚC : chân phải tiến sát trái, chân trái móc gót ngang về vị trí ban đầu.

KỸ THUẬT SỬ DỤNG CÔN

Tập đòn căn bản phải thuộc lòng như TAM PHÁP NHẬP MÔN, biết sử dụng 16 đòn rồi thì bài côn nào của Bắc phái cứ miệng đọc, tay chân theo nghĩa mà ôn luyện.

PHÉP CẦM CÔN: để côn ngang, tay phải kê là ngọn từ dưới bắm lên — tay trái kê là gốc, từ trên bắm xuống, không được phép đổi tay hay trở tay (H1).



A — ĐÒN CÔNG

1) ĐÁNH: ngọn từ trên xéo xuống (H2)



2) BỒ: gốc từ trên xéo xuống (H3)



3) ĐẬP : ngọn thẳng từ trên xuống (H4) -



4) ĐÂM : ngọn ngang tới (H5)



5) THỌC : gốc ngang tới (H6)

6) PHẪNG : gốc quét ngang qua phải (H7)



7) QUẮT : ngọn quét
ngang qua trái



Kết thúc loang thiên



B — ĐÒN THỦ :

1) ĐỖ : ngang roi đỡ lên
(H11)



8) LOANG THIÊN : quây
tròn trên đầu đập xuống
(H9, H10)



2) GẠT: gộc từ trái qua
phải ngang mặt (H12)



3) HOÀNH: cùn đứng,
qua lại trước mặt (H13)

4) BẮC: ngọn từ trái qua
phải ngang mặt (H14)

5) KHẮC: ngọn từ phải
qua trái ngang mặt (H14)



6) TẠT: gộc từ chân trái
qua chân phải (H15)

7) TÉM : ngọn từ chân
phải qua chân trái (H16)



8) LOANG ĐỊA : ngọn theo
bàn chân tới tới, lui lui,
cứ theo dánh hai bàn chân
gọi là lang roi (H17)

BÀ HỒ LƯƠNG ĐẦU CÔN

Võ sinh học môn binh
khí, thi lên cấp III thời
gian 30 giờ.



1) Bắc trên đâm dưới mau
đi (H18, H19)
chân phải tiến bắc, đâm.

2) Gạt qua trái tiến đập
thì ngọn côn (H20, H21)



Chân trái lên gạt, đập.



3) Xoay lưng đâm hạ phúc
bồn (H22).

Chân tréo bình bộ đâm
nghịch



4) Trái lui mà đánh xuống
côn rõ ràng (H23).

Chân trái xoay lui đánh



5) Hoành hữu thọc gốc
côn ngang (H24, H25)



Hoànch hữu trái tiến thọc.



6) Bước về mà khắc quì
phang tức thì (H27)



Trái bước về quay lại
khắc, quì phang.

7) Xoay lên mà quất mạnh
đi (H28)

Chân trái xoay ngược
1 vòng quất



8) Tạt qua đập xuống co
thì chân cao (H29, H30,
H31)

Trung bộ tạt

Đập



Chân trước rút lên cao,
dỡ côn lên, mắt nhìn về
hướng đánh.



9) Chạy về đâm lại coi nào
(H32, H33).



Xoay lưng để chân trái
xuống, chân phải đỡ lên
quây lại đâm mạnh.



10) Đỡ lên bỏ xuống tém
mau đâm liền (H34, H35,
H36, H33)

Đứng tại chỗ đỡ lên

Đứng tại chỗ bỏ xuống





Rút nhẹ chân về tén
mau, tràn tới đâm liền.



11) Che đầu bằng ngọn
loang thiên (H37)



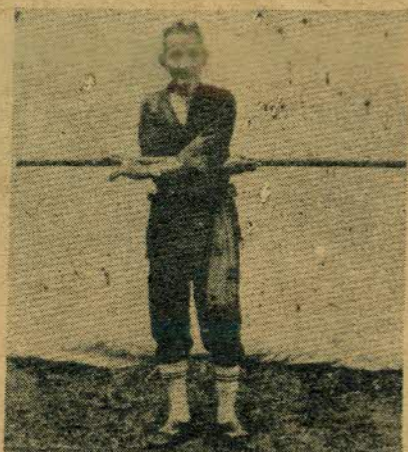
12) Bước qua đánh lại
bồng liền bài sư. (H38,
H39, H40)

Chân mặt bước trên



Quay lại đánh

Bái sư, tay trái trên.



16 ĐÒN CHIẾN ĐẤU

Võ sinh học 16 đòn chiến đấu, thời gian 30 giờ thi lên toàn phần sơ đẳng.

A — TRƯỜNG HỢP CHÂN PHẢI TA SAU, CHÂN PHẢI HỌ LÊN VÔ GIAO CHIẾN TAY PHẢI HỌ ĐÁNH.

★ ĐÒN TAY :

1) GẠT THỦ THU CHÂU : Chân phải phóng vô dái, tay trái gạt tay phải họ, tay phải đâm con mắt, ba động tác thực hiện cùng lúc.

2) DI ẢNH XẠ ĐIỀN : Chân phải lên phía trái họ, tay phải cản tay trái họ, tay trái đánh dái.

3) GẠT THỦ BĂNG TÂM : Chân phải lên ngang, bàn chân xeo bẻ chân họ, đồng thời tay trái gạt, tay phải ôm đầu phóng chỗ tới.

4) DI ẢNH SÁT HẦU : Chân phải lên mé trái họ, tay phải cản tay trái họ, gối trái lên dái, chưởng trái tổng cầm bóp cổ luôn.

★ ĐÒN CHÂN:

1) KIM TIÊU PHÓNG THỦY: Hai tay tréo đỡ kẹp tay họ, chân phải phóng vô chấn thủy.

2) BÀN LONG TỔNG THỀ: Tay phải tạt tay họ, nghiêng mình, chân phải tổng cạnh bàn chân vô hông họ.

B — CHÂN PHẢI HỌ ĐÁ TỚI:

1) DI HỮU PHANG ÂM: Chân phải nhảy tạt qua trái họ, chân trái đá lòn dưới dái.

2) DỤC MÃ QUA KHÊ: Chân phải nhảy tạt qua trái họ, chân trái phóng vô hông.

C — CHÂN TRÁI TA SAU, CHÂN PHẢI HỌ LÊN, VÔ DIẠO CHIẾN TAY PHẢI HỌ ĐÁNH.

★ ĐÒN TAY:

1) NÃ THỦ THỦY TÂM: Hai tay tréo đỡ lên, chân trái vô sâu ngoài chân phải họ, tay trái cấn cổ họ ngửa ra, vô sát, tay phải họ sau lưng ta, tay phải đánh vào chấn thủy.

2) NÃ THỦ TAM KHA: Tréo tay hình chữ X, tay phải ngoài, tay phải nã rồi bám chỗ họ, xô qua cho họ đưa lưng, chỗ trái vô cổ cục họ.

3) TẠT THỦ LIA CÀNH: Chân trái sau, tay trái tạt tay họ, tay phải hất sống bàn tay vô cổ họng.

4) TẠT THỦ PHỄ MÔN: Chân trái sau, tay trái tạt tay họ, tay phải đâm vô nách non.

★ ĐÒN CHÂN:

1) HỒ HỒI SƠN ĐỈNH: Quay đầu lại, khòm lưng, chân trái phóng nghịch, hai tay chống đất.

2) ĐÁI MÃ QUI TÀO: Nã thủ, hai tay bám tay họ, chân trái lên gối vô hông họ.

D — CHÂN PHẢI HỌ ĐÁ TỚI

1) DI ẢNH TỔNG ÂM: chân phải xê lên chân trái họ, tay trái tổng vô dái.

2) TIẾN NGHỊCH KHAI ÂM: Quay đầu lại, khòm lưng, chân trái thọc tới, tay phải đánh hất vô dái.

TOA THUỐC BÍ TRUYỀN

I — THUỐC TÂM

Ô đầu

Cốt táo hồ

Sanh mã tiền

Huyết kiệt

Nhung quế

Bạch chỉ

Lưu trội

Các vị bằng nhau, tùy thuốc cho nửa ấm, nửa rượu, cấm uống.

II — THUỐC UỐNG BỊ ĐÁNH TẾ TỨC.

Rễ nhào 8 chỉ

Rễ ô môi 8 chỉ

Võ quít 4 chỉ

Ngãi xanh 4 chỉ

Ngãi vàng 4 chỉ

Nhục quế 4 chỉ

Rễ nhào cây lớn cỡ trên 10 năm, tất cả sao thủy thổ, cho vào 1,5 lít rượu.

Tác giả ĐOÀN TÂM ANH 89 tuổi, đã qua 76 năm luyện tập võ thuật, người mặc đồ đen trong ảnh minh họa của sách, nhờ uống thuốc này mà nay còn bay nhảy không kém thanh niên.

Lão sơn sâm 2 chỉ

Lão thực địa 2 chỉ

Hồ cốt giao 2 chỉ

Lộc giác giao 3 chỉ

Bắc đồ trọng 3 chỉ

Đương qui đầu 3 chỉ

Kim cầu tích 2 chỉ

Câu kỷ tử 3 chỉ

Nhục thung dung 5 chỉ

Nhuyễn phòng phong 2 chỉ

Chích cam thảo 2 chỉ

Xuyên ngư thất 3 chỉ

Khương huật 2 chỉ

Ngâm 2 lít rượu, mỗi bữa ăn một chung nhỏ, khi đi ngủ một chung nhỏ.

BÁT MÔN KIM TỎA QUYỀN

-
- Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN VI THIỆU
 - Biên tập nội dung -- kỹ thuật: LINH VŨ
 - Nhiếp ảnh : QUANG BÌNH
 - Sửa bản in : LINH VŨ
 - Bìa : LÊ HIỀN
-

Giấy phép xuất bản số: 27/VHTT/GP cấp ngày 12-10-1988.
In 5.000 cuốn, khổ 13 x 19, tại Xí nghiệp Giấy & In Đồng Tháp
Số in: 19-88. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3-1989.

Giá : 